TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 18/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hữu Bình và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST- HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST- HS ngày 04/02/2020, đối với bị cáo:

NGUYỄN C, sinh ngày 26/12/1981, tại thành phố T; Nơi cư trú: Thôn 8, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ và bà Đỗ T; vợ, con: Chưa có;

- Tiền án: Ngày 30/6/2004 Tòa phúc thẩm, Toà án nhân dân Tối Cao tại Hà Nội xử phạt 16 năm tù về tội Giết người (chấp hành xong ngày 30/8/2013);

- Tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Ngày 09/9/2019 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (phạm tội ngày 22/02/2019);

+ Ngày 17/6/2019 Công an thành phố Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù từ ngày 07/6/2019 tại Trại giam Quyết Tiến - Bộ Công an (theo Bản án số 105/2019/HS-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Vi X, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 9, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lý T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Đội 5, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Có mặt.

+ Anh Nguyễn P, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ngõ 87, tổ 3, phường P, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Chị Trần H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ngõ 87, tổ 3, phường P, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn H1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Lê H1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 7, phố B, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian khoảng tháng 9 năm 2017, Nguyễn C quen biết chị Vi Xqua mạng xã hội Zalo, C giới thiệu với chị X tên là T3, nhà ở Hải Phòng. Ngày 29/10/2017 Nguyễn C và chị Vi X có hẹn gặp nhau tại thành phố Tuyên Quang, C đi xe ô tô khách từ Hải Phòng về nhà, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, C và chị X gặp nhau ở nhà nghỉ V thuộc tổ 10, phường P, thành phố T. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, chị X đi về cửa hàng của mình tại phường T, thành phố T để làm việc, còn C vẫn ở tại nhà nghỉ V. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, chị X đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát XXX đến đón C đi ăn tối ở quán S (thuộc tổ 14, phường T, thành phố T). Trong quá trình ăn cơm, C có hỏi chị X về số tiền vay của mình nhưng chị X nói chưa có tiền trả, vì vậy C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị X nên khoảng 20 giờ cùng ngày, C nói với chị X là mượn xe mô tô của chị X để đi đón một người em, chị X tin là thật nên đã giao xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát XXX cho C. Sau khi có xe, C đã điều khiển xe mô tô trên đi về thành phố Hà Nội với mục đích tìm chỗ bán xe mô tô lấy tiền tiêu sài. Trên dường đi C có gọi điện thoại cho chị X nói dối là xe mô tô đang bị Công an giữ, mai mới giải quyết được. Khi đi đến khu vực huyện P, tỉnh Phú Thọ, C dừng xe lại để mua xăng, khi mở cốp xe C thấy có 01 bộ quần áo mưa, 01 đôi găng tay, 01 chiếc túi xách màu đỏ trong túi có 01 Giấy đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vi X, 01 sổ hộ khẩu, 01 thẻ ATM, 01 thẻ bảo hiểm và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và có 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng), gồm 04 tờ mệnh giá 200.000đồng. Đến khoảng 5 giờ ngày 03/10/2017, C đi đến khu vực Bến xe khách M, thành phố Hà Nội và thuê phòng trọ nghỉ. Khoảng ngày 02; 03/11/2017 (C không nhớ chính xác), C đã gửi qua xe ô tô khách

trả cho chị X giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, thẻ ATM, thẻ bảo hiểm, còn đăng ký xe mô tô và số tiền 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng), C giữ lại. Đến khoảng ngày 05; 06/11/2017 C bán xe mô tô của chị X cùng đăng ký xe mô tô cho một người đàn ông không quen biết ở bến xe khách M được số tiền 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng). Toàn bộ số tiền bán xe mô tô và số tiền 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng) mà C đã chiếm đoạt được của chị X, một mình C chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/9/2019, anh Nguyễn K (là chồng của chị Vi X) phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát XXX do anh Lý Đ trú tại Đội 5, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang đang điều khiển tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Anh K đã báo Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang thu giữ chiếc xe mô tô trên.

Ngày 18/12/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã trả lại chiếc xe mô tô này cho chủ sở hữu là chị Vi X.

Quá trình điều tra đã xác định:

Ngày 13/11/2017 anh Lý Đ đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát XXX của chị Trần H trú tại phường P, quận N, thành phố Hà Nội với số tiền 13.200.000đồng.

Chiếc xe mô tô trên do anh Trần P (chồng chị H) mua lại của anh Nguyễn H1 trú tại xã C, huyện T, thành phố Hà Nội với số tiền 10.500.000đồng vào ngày 11/11/2017.

Anh Nguyễn H1 mua chiếc xe mô tô này của anh Lê H2 trú tại số 7, phố B, phường K, quận T, thành phố Hà Nội với số tiền 10.000.000 đồng.

Anh Lê H2 khai báo về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là do một người đàn ông không quen biết mang đến cầm cố ở cửa hàng của anh, hết thời hạn cầm cố người đàn ông đó không quay lại chuộc xe nên anh đã bán cho anh H1.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 58/KLĐG ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang kết luận:

Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave an pha, màu sơn trắng - đen, biển kiểm soát XXX, số khung X1, số máy C1 đã sử dụng từ năm 2012 là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, chị Vi X khai, khi chị cho C mượn xe mô tô, bên trong cốp xe có số tiền khoảng 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng. Cơ quan điều tra đã áp dụng biện pháp điều tra nhưng không đủ căn cứ xác định C đã chiếm đoạt số tiền này. Chị X cũng không yêu cầu C phải bồi thường số tiền trên.

Như vậy, chỉ có căn cứ xác định Nguyễn C đã chiếm đoạt tài sản của chị Vi X có trị giá là 10.800.000đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSTP ngày 03 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn C về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên toà, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn C về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm s, khoản 1, Điều 51; đoạn 1 điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn C từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 105/2019/HS-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam trong Bản án số 105/2019/HS-ST ngày 09/9/2019 (là ngày 07/6/2019).

Về phần dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận về việc bị cáo bồi thường cho anh Lý Đ số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với Luận tội của Kiểm sát viên; bị hại đề nghị HĐXX xem xét về hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn C khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai: Do bản thân không có tiền tiêu sài và bị cáo là đối tượng sử dụng chất ma tuý nên khi thấy bị hại Vi X có tài sản bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền ăn tiêu bằng thủ đoạn nói

dối chị X là mượn xe đi đón em, ngay sau khi có tài sản bị cáo đã đi luôn về thành phố Hà Nội tìm chỗ tiêu thụ. Tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave an pha, màu sơn trắng - đen, biển kiểm soát XXX, trị giá 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng), tổng cộng là 10.800.000đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khẳng định Kết luận định giá tài sản là khách quan, chính xác, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.800.000đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) là đúng người, đúng tội, không oan. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

- Ngày 30/6/2004 bị cáo bị Tòa phúc thẩm, Toà án nhân dân Tối Cao tại Hà Nội xử phạt 16 năm tù về tội Giết người (chấp hành xong ngày 30/8/2013) đến ngày 29/10/2017 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Vi X. Như vậy, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm theo quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo không có tài sản gì và không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Bị cáo đang chấp hành hình phạt hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 105/2019/HS-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; vì vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[4] Trong vụ án này, còn có người đàn ông mua xe mô tô do bị cáo lừa đảo của chị X nhưng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ và có anh Lê H1, anh Nguyễn H2, anh Nguyễn P, chị Trần H, anh Lý Đ là những người mua phải chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát XXX nhưng không biết là tài sản do bị cáo thực hiện phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Vi X đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát XXX và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị khoản tiền gì khác, do đó HĐXX không xem xét đối với bị cáo.

Tại phiên toà, anh Lý Đ trình bày: Anh là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave an pha, biển kiểm soát XXX của chị Trần H với số tiền

13.200.000đồng vào ngày 13/11/2017, đến ngày 18/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã tạm giữ chiếc xe trên và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vi X, tài sản và giấy tờ này đã trả lại cho chị X, nay anh Đ đề nghị HĐXX xem xét giải quyết cho anh về số tiền anh đã bỏ ra mua chiếc xe trên nhưng anh chỉ yêu cầu bồi thường số tiền theo kết luận định giá tài sản trong vụ án là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Bị cáo xác nhận việc anh Đ bị thiệt hại về tài sản là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tại phiên toà bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cho anh Đ số tiền này, anh Đ nhất trí và đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận về dân sự giữa anh và bị cáo. HĐXX xét thấy, việc thoả thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, Điều 174; điểm s, khoản 1, Điều 51; đoạn 1 điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản. Xử phạt bị cáo Nguyễn C 01 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 105/2019/HS-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 07/6/2019).

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Nguyễn C và anh Lý Đ. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lý Đ số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn C phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đồng (Năm năm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đ) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *VKSND thành phố TQuang;*
- *VKSND tỉnh TQuang;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;*
- *Cơ quan THAHS TPTQuang;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang